

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Học kỳ phụ trong hè (Học kỳ III) năm học 2024-2025

Kính gửi: - Các Khoa, Viện, Bộ môn;
- Các phòng Tài chính-KT, CT-Công tác SV, TT-Khảo thí & ĐBCL, QTTB
- Các sinh viên thuộc Trường.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng nhu cầu của sinh viên, Nhà trường triển khai kế hoạch học Đợt 7 học kỳ III năm học 2024-2025 (Học kỳ phụ trong hè) từ tuần 43 đến tuần 50 (ngày 23/06/2025 đến 23/08/2025). Đề nghị các khoa, viện, bộ môn liên quan và sinh viên thực hiện theo kế hoạch sau:

1. Thời khóa biểu:

- Căn cứ Thời khóa biểu (dự kiến), đề nghị các khoa, viện, bộ môn phân công giảng viên giảng dạy các học phần và gửi danh sách về phòng Đào tạo trước ngày 02/06/2025.
- Sinh viên có nguyện vọng học các học phần chưa có trong Thời khóa biểu dự kiến, cần nộp đơn xin mở lớp học phần tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 02/06/2025.

2. Đăng ký, rút học phần:

- Sinh viên thực hiện đăng ký học phần (học kỳ hè) tại cổng thông tin tin chỉ từ ngày 03/06/2025 - 05/06/2025. Sinh viên học vượt phải có xác nhận của Cố vấn học tập (để đảm bảo diện kiện tiên quyết của học phần) trước khi đăng ký. Sau khi đăng ký thành công, sinh viên cần lưu lại Phiếu đăng ký để đối chiếu trong trường hợp cần thiết.
- Ngày 06/06/2025 phòng Đào tạo rà soát số lượng sinh viên đăng ký lớp tín chỉ và giữ lại các lớp học phần đủ điều kiện, các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký tối thiểu sẽ bị hủy theo quy định.
- Sinh viên căn cứ Thời khóa biểu lần 2 (đã được điều chỉnh và cố định) để thực hiện đóng học phí đầy đủ theo quy định. Các học phần sinh viên đã đăng ký sẽ được giữ nguyên và Hạn nộp học phí đến hết ngày 19/6/2025.
- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký bổ sung các học phần chưa có trong TKB thì phải làm xin đăng ký bổ sung nộp tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 19/6/2025.

3. Tổ chức lớp:

- Ngày 06/06/2025, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu lần 2 (sau khi sinh viên đã đăng ký học phần).
- Ngày 20/6/2025, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu chính thức.
- Nộp học phí: Sinh viên thực hiện nộp học phí theo một trong các hình thức sau:
 - + Thanh toán học phí trực tuyến Online qua Website của Nhà trường;
 - + Chuyển khoản qua Mã định danh;
 - + Thời gian thu: 10/6/2025 - 19/6/2025

- Số lượng sinh viên tối thiểu để tổ chức lớp:
 - + Các lớp học phần lý thuyết: **30 sinh viên;**
 - + Các lớp học phần đồ án: **10 sinh viên.**
 - + Trường hợp đặc biệt, nếu sinh viên có nhu cầu mở lớp học phần có số lượng sinh viên ít hơn quy định, sinh viên phải làm **đơn xin mở lớp, cam kết nộp học phí đầy đủ** để trình Nhà trường xem xét, quyết định.
- Hình thức học: Học trực tiếp và trực tuyến
- Thời gian học: Tuần 43 đến tuần 50 (**ngày 23/6/2025 đến 16/8/2025**).
- Thời gian thi: Tuần 51 (**ngày 18/08/2025 đến 23/08/2025**).

Lưu ý:

- Từ sau ngày 06 tháng 6 năm 2025, sinh viên không được hủy học phần. Trường hợp sinh viên không nộp học phí, số tiền của các học phần đã đăng ký sẽ được tính vào học phí nợ của sinh viên và được truy thu vào đợt học tiếp theo. Trường hợp sinh viên đã nộp tiền mà không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học, sẽ phải nhận điểm F và không được rút học phí của học phần đã đăng ký.

- Các sinh viên **PHẢI** quản lý tài khoản của mình và thường xuyên cập nhật thông tin trên trang tín chỉ để tránh tình trạng bị lợi dụng tài khoản đăng ký học ảo. Sinh viên phải chịu trách nhiệm về tài khoản cá nhân của mình. Sinh viên đăng ký mà không nộp học phí sẽ bị kỷ luật theo quy định.

- Cố vấn học tập chịu trách nhiệm nhắc nhở, hướng dẫn và đôn đốc sinh viên thực hiện đúng thông báo này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Các khoa/viện bậc đại học;
- Giảng viên, Sinh viên toàn trường
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG 


PGS.TS.KTS. **Lê Quân**

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN ĐỢT HỌC BỔ SUNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 316/TR...ĐHKI...Đ ngày 23 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	XD3508.1	An toàn lao động	2	XD3508.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
2	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_LH	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)
3	NM6501	Chuyên đề	2	NM6501_LH	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 4(T4-6)Thứ 6(T4-6)
4	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
5	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)
6	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
7	MT8409	Công nghệ may trang phục 3	2	MT8409_LH	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 7(T4-6)Thứ 4(T4-6)
8	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)
9	XD3202.2	Đồ án kết cấu BTCT 1	2	XD3202.2_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
10	XD3107.2	Đồ án Nền và móng	2	XD3107.2_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)
11	XD3526	Đồ án tổ chức thi công	2	XD3526_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
12	GD4501	Giáo dục thể chất P1	1	GD4501_LH	23/6	27/7		Thứ 4(T1-3)
13	GD4502	Giáo dục thể chất P2	1	GD4502_LH1	23/6	27/7		Thứ 4(T4-6)
14	GD4502	Giáo dục thể chất P2	1	GD4502_LH2	23/6	27/7		Thứ 4(T7-9)
15	GD4503	Giáo dục thể chất P3	1	GD4503_LH	23/6	27/7		Thứ 4(T10-12)
16	KT0101	Hình học hoạ hình	2	KT0101_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
17	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
18	XD3220	Kết cấu bê tông cốt thép và gạch đá	3	XD3220_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
19	XD3314.2	Kết cấu thép và liên hợp nhà cao tầng	2	XD3314.2_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
20	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
21	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
22	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
23	XD3320	Kết cấu và xây dựng 3	2	XD3320_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
24	QL4718	Kỹ năng viết và thuyết trình	1	QL4718_LH	23/6	27/7		Thứ 4(T4-6)
25	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH1	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
26	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH2	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
27	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH3	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
28	QL4701	Kỹ năng thuyết trình	1	QL4701_LH	23/6	27/7		Thứ 4(T7-9)
29	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH1	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)
30	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH2	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
31	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH3	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)
32	NT8619	Lịch sử nội thất	2	NT8619_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)
33	QH1201.1	Lý thuyết quy hoạch đô thị	3	QH1201.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)
34	QH1601.1	Lý thuyết thiết kế đô thị 1	2	QH1601.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)
35	XD3528	Máy xây dựng	2	XD3528_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
36	NM0209	Mĩ học	2	NM0209_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
37	XD3106	Nền và móng	3	XD3106_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
38	QL4614	Nhập môn quản lý đô thị	2	QL4614_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
39	XD3011	Ổn định và động lực học công trình	2	XD3011_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)
40	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_LH	23/6	27/7		Thứ 4(T4-6)
41	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
42	MT8105	Thiết kế Đồ họa 5	2	MT8105_LH	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 7(T4-6)Thứ 4(T4-6)
43	KTDK01	Thiết kế kiến trúc 1	2	KTDK01_LH	23/6 11/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 7(T4-6)Thứ 4(T4-6)
44	KTDK02	Thiết kế Kiến trúc 2	2	KTDK02_LH	23/6 11/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T7-9)Thứ 7(T7-9)Thứ 4(T7-9)
45	KTDK06.1	Thiết kế Kiến trúc 6	3	KTDK06.1_LH	23/6 11/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 7(T7-9)Thứ 7(T10-12)Thứ 4(T10-12)
46	NT82041	Thiết kế nội thất 4	3	NT82041_LH	23/6 11/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 7(T1-3)Thứ 7(T4-6)Thứ 4(T4-6)
47	NM8212.1	Thiết kế sân vườn	2	NM8212.1_LH	23/6 11/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 4(T7-9)Thứ 2(T7-9)Thứ 7(T7-9)

Đen

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
48	KT0405	Thiết kế ý tưởng	2	KT0405_LH	23/6 11/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 7(T4-6)Thứ 4(T4-6)
49	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_LH(NK)	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
50	NN3703	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703_LH(KT)	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
51	NN3703.3	Tiếng Anh Chuyên Ngành (CNTT)	2	NN3703.3_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
52	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)
53	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
54	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
55	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
56	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
57	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
58	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_LH2	23/6 23/6	10/8 17/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
59	TH4301	Tin học đại cương	2	TH4301_LH	23/6 23/6	27/7 20/7		Thứ 2(T2-6)Thứ 6(T2-6)
60	TH4419	Tin học ứng dụng	2	TH4419_LH	23/6 23/6	27/7 20/7		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)
61	TC2603.1	Toán P1	2	TC2603.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
62	TC2604	Toán P2	3	TC2604_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
63	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_LH1	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 7(T10-12)Thứ 5(T10-12)
64	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_LH2	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 3(T10-12)Thứ 7(T10-12)Thứ 6(T10-12)
65	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_LH	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)
66	NM8022.2	Văn hóa Việt Nam.	2	NM8022.2	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)
67	QH1603	Vật liệu cảnh quan và Thiết kế đô thị	2	QH1603_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
68	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)
69	TC2702	Vật lý P2	2	TC2702_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
70	TC2606	Xác suất thống kê	2	TC2606_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)

Danh sách có 70 lớp học phần.

hem